

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HS-PT

Ngày 11-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Nâu.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Văn Nhiên;

2. Ông Nguyễn Gia Lương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thân Thị Hải Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Diễm Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 305/TLPT-HS ngày 01/12/2020 đối với bị cáo Ngô Văn Q, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*Họ và tên bị cáo kháng cáo:* **Ngô Văn Q**, sinh năm 1974; Tên gọi khác: Không

- Nơi ĐKKHKT: Thôn Ng, xã A, huyện D, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Phòng X, D1, khu đô thị E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1943 (đã chết), con bà Lương Thị Ch, sinh năm 1947; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Trương Thị Kim O, sinh năm 1979; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 06/2018/HSPT ngày 22/01/2018 của TAND tỉnh Bắc Ninh xét xử tuyên phạt bị cáo Q 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng về tội Mua bán trái phép hóa đơn.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người tham gia tố tụng khác nhưng do không có kháng cáo và kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 17/5/2019, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang nhận được đơn của anh Nông Văn Tr, sinh năm 1979 (làm Kế toán cho các Công ty trên địa bàn huyện L, tỉnh Bắc Giang) tố cáo Công ty TNHH MTV 668 Bắc Giang, Công ty TNHH MTV thương mại Th Bắc Giang đều có địa chỉ tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ T - L có địa chỉ tại thôn Ngh, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và Công ty TNHH sản xuất và thương mại Q có địa chỉ ở thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Quá trình điều tra xác minh, ngày 28/10/2019, Ngô Văn Q, sinh năm 1974, đăng ký thường trú tại xã A, huyện D, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay tại Phòng X, D1, khu đô thị E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên đến Cơ quan An ninh điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013, Ngô Văn Q đã thuê Nguyễn Văn Ch, sinh 1969 ở thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương đứng tên Giám đốc Công ty TNHH sản xuất và thương mại Q (gọi tắt là Công ty Q) có mã số thuế 2300686182, đăng ký trụ sở tại thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và mua lại Công ty TNHH thương mại vật tư H (gọi tắt là Công ty H), mã số thuế 0201222623, đăng ký trụ sở tại số 164 C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng để bán trái phép hóa đơn thu lời bất chính. Cụ thể như sau:

1. Đối với Công ty Q: Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2011, Ngô Văn Q được Nguyễn Thị Lan, sinh 1964, trú tại khu phố Trịnh Xá, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thuê đứng tên thành lập Công ty Q Bắc và Công ty Quốc Khánh ở huyện T, tỉnh Bắc Ninh để bán trái phép hóa đơn GTGT. Năm 2018, Q và Lan đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh xét xử và tuyên phạt Lan 33 tháng tù giam và Q 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Mua bán trái phép hóa đơn.

Khoảng tháng 9/2011, Lan bảo Q tìm người thuê đứng tên thành lập công ty để Q bán hóa đơn cho Lan. Q đồng ý. Cùng thời gian này, Q gặp và quen Nguyễn Văn Ch, sinh 1969 ở thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương tại một quán cắt tóc, gọi đầu ở khu vực Kim Thành, Hải Dương. Q đã đặt vấn đề thuê Chiến đứng tên thành lập Công ty cho Q, Q sẽ trả công 3 triệu đồng/tháng. Chiến đồng ý. Sau đó, Q yêu cầu Chiến đưa cho Q chứng minh nhân dân và bản photo sổ hộ khẩu của Chiến rồi Q đưa Chiến đến Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh để ký hồ sơ đề nghị thành lập Công ty Q rồi về. Ngày 14/11/2011, Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300686182, Q đưa Chiến đến Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh lấy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đến Phòng Quản lý hành chính Công an tỉnh Bắc Ninh lấy con dấu rồi đưa lại cho Q. Sau đó, Q tự đặt in khoảng 20 quyển hóa đơn rồi ký giả mạo chữ ký của Chiến trên 2 quyển hóa đơn, còn khoảng 18 quyển hóa đơn Q ký chữ ký của Chiến vào một tờ giấy rồi đem đến một Cơ sở khắc dấu tại thành phố Bắc Ninh (không nhớ địa chỉ cơ sở khắc dấu ở đâu) đưa cho họ khắc dấu chữ ký của Chiến rồi đóng dấu chữ ký đó trên hóa đơn để thực hiện việc bán hóa đơn GTGT của Công ty Q; đồng thời Q đến một nhà ở thôn D thuê treo biển Công ty Q (không nhớ thuê nhà ai).

Sau khi thành lập Công ty Q, từ tháng 12/2011 đến tháng 9/2013, Q đã xuất bán 1057 hóa đơn của Công ty Q cho 323 Công ty, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Thái Nguyên...với tổng số tiền

hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là 258.516.493.221 đồng, tương ứng với 25.851.649.322 đồng tiền thuế, với giá 1,8% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Q đã trả công cho Chiến 7 tháng với tổng số tiền là 26 triệu đồng, sau đó Q nói với Chiến là Công ty ngừng hoạt động nên không trả tiền cho Chiến nữa.

Để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng và hợp lý hóa việc bán hóa đơn Q đã thuê Ngô Xuân T, sinh 1976, ở thị trấn Y, huyện G, Hà Nội làm kê khai, báo cáo thuế và nhờ Tính soạn thảo Hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng mua bán, phiếu thu, biên bản xác nhận khối lượng...để giao cho khách hàng kèm theo hóa đơn GTGT. Q đã trả công cho Tính 2 lần với tổng số tiền là 10 triệu đồng. Khi có khách hàng đặt mua hóa đơn, Q yêu cầu cung cấp thông tin doanh nghiệp, loại hàng hóa dịch vụ, số lượng, đơn giá để phục vụ cho việc viết hóa đơn rồi Q thuê công nhân ở các khu công nghiệp hoặc đưa cho khách hàng viết nội dung trên hóa đơn (không xác định được những người này là ai). Từ tháng 12/2011 đến tháng 9/2013, Q đã mua 340 hóa đơn GTGT đầu vào của Công ty Ch từ Phạm Văn Ph, sinh năm 1974, ở thị trấn D, huyện D, thành phố Hải Phòng và mua của 10 Công ty khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng qua các đối tượng trung gian đến nay không nhớ được tên, tuổi, địa chỉ và 34 hóa đơn của Công ty Hưng với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là 258.093.011.045 đồng, tương ứng với 25.809.301.104 đồng tiền thuế với giá 1,7% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Như vậy, Q mua hóa đơn GTGT vào với giá 1,7% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn; bán ra với giá 1,8% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn nên được hưởng lợi 0,1% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn đầu ra.

Đối với 11 Công ty (không tính hóa đơn của Công ty H) đứng tên xuất 340 hóa đơn GTGT cho Công ty Q, quá trình điều tra xác định 11/11 công ty đều đã bỏ trụ sở đăng ký kinh doanh; xác minh Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của 09/11 Công ty đều vắng mặt tại địa phương hoặc chuyển đi nơi khác, hiện không xác định được làm gì, ở đâu; còn 02 Công ty gồm: Công ty TNHH vận tải và xây dựng A do Nguyễn Huy Q, sinh năm 1989, ở thôn Tr, xã A, huyện L, thành phố Hải Phòng đứng tên Giám đốc và Công ty TNHH thương mại vận tải H do anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1984, ở thôn C, xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng đứng tên Giám đốc. Quá trình điều tra, cả anh Q và anh Hoàng đều khai không thành lập Công ty và không biết mình đứng tên Công ty trên.

Đối với 323 Công ty có hóa đơn GTGT của Công ty Q, Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh, lấy lời khai 183/323 Công ty, trong đó có 175 Công ty đều xác định đã mua hàng hóa, dịch vụ của những đối tượng không quen biết giới thiệu là nhân viên của Công ty Q và được xuất hóa đơn; 11 Công ty, tổ chức xác định không phát sinh giao dịch với Công ty Q; 02 Công ty gồm: Công ty CP xây dựng số 1 Bắc Giang có trụ sở ở đường X, phường Tr, thành phố Bắc Giang, quá trình điều tra xác định cuối năm 2011, Công ty CP xây dựng số 1 Bắc Giang thi công sửa chữa trường THCS xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang đã mua cát, đá từ anh Lê Văn T, sinh 1972, ở thôn Th, xã T, thành phố Bắc Giang và được anh T xuất cho 4 hóa đơn của Công ty Q, với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là 71.690.245 đồng. Tại Cơ quan điều tra Lê Văn T khai khi chở cát đá cho Công ty CP xây dựng số 1 Bắc Giang, do Công ty yêu cầu mua hàng phải có hóa đơn nên anh T đã mua 4 hóa đơn của Công ty Q từ Trần Thị H, sinh 1965, ở Tổ dân phố số

Y, phường Th, thành phố Bắc Giang với giá 8% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Hoa thì Hoa khai đã mua 04 hóa đơn hộ anh T của người phụ nữ tên là Hạnh ở thành phố Bắc Ninh, nhưng không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu; Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng kinh doanh bất động sản do ông Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm 1945, ở số nhà Z đường V, phường Ngh, quận L, thành phố Hải Phòng là Giám đốc, có 19 hóa đơn của Công ty Q nhưng hiện đang bị ung thư đại tràng, liệt toàn thân, 2 mắt bị mù nên không thể làm việc được. Còn 135/323 Công ty, tổ chức vắng mặt người đại diện, ngừng hoạt động hoặc bỏ địa chỉ kinh doanh nên Cơ quan điều tra không làm việc được.

Như vậy, Ngô Văn Q được hưởng lợi số tiền từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty Q là:  $(258.516.493.221 \text{ đồng} \times 1,8\% - 258.093.011.045 \text{ đồng} \times 1,7\%) = 265.715.690 \text{ đồng}$ .

2. Đối với Công ty H: Tháng 3/2012, Ngô Văn Q mua Công ty H của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi giới thiệu tên là Hằng nhà ở thành phố Hải Phòng (không rõ địa chỉ cụ thể), với giá 75 triệu đồng, mục đích để sử dụng hóa đơn của Công ty H kê khai đầu vào cho Công ty Q và bán trái phép. Sau đó, Q thuê một người phụ nữ tên là Ng, sinh năm 1988 giới thiệu nhà ở huyện K, tỉnh Thái Bình (không rõ địa chỉ cụ thể), làm kê khai, báo cáo thuế cho Công ty H, với giá 3 triệu đồng/ tháng.

Sau khi mua Công ty H, với phương thức, thủ đoạn như trên từ tháng 03/2012 đến tháng 09/2012, Ngô Văn Q đã xuất bán 186 hóa đơn GTGT của Công ty H cho 20 Công ty trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, Hải Dương..., trong đó có hóa đơn của Công ty Q với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là: 96.348.763.464 đồng, tương ứng với 9.634.876.346 đồng tiền thuế, với giá 1,8% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn.

Để hợp lý hóa việc bán hóa đơn GTGT, từ tháng 03/2012 đến tháng 09/2012, Q đã mua 65 hóa đơn GTGT đứng tên của 11 Công ty trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hải Phòng của Phạm Văn Ph và Ng, với tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn là 95.790.535.988 đồng, tương ứng với 9.579.053.598 đồng tiền thuế với giá 1,7% giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn.

Đối với 11 Công ty đứng tên xuất 65 hóa đơn GTGT cho Công ty H, Cơ quan điều tra xác minh tại Cơ quan thuế nơi 11 Công ty đăng ký kinh doanh xác định các Công ty trên không kê khai phát sinh giao dịch với Công ty H; xác minh tại địa chỉ kinh doanh thì cả 11 Công ty này đều bỏ trụ sở kinh doanh, những người đứng tên Giám đốc Công ty không có mặt tại địa phương.

Đối với 19 Công ty có hóa đơn GTGT của Công ty H (không tính Công ty Q), Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh, xác định 18/19 Công ty đã ngừng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh và người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại địa phương nên không làm việc được; còn 01 Công ty là Công ty bất động sản do ông Nguyễn Ngọc Nh là Giám đốc không làm việc được như đã nêu trên.

Như vậy, Ngô Văn Q đã thu được hưởng lợi từ việc bán hóa đơn GTGT của Công ty H là:  $(96.348.763.464 \text{ đồng} - 4.985.172.819 \text{ đồng Công ty H xuất 31 hóa đơn GTGT cho Công ty Q}) = 91.363.590.645 \text{ đồng} \times 1,8\% - 95.790.535.988 \text{ đồng} \times 1,7\%) = 16.105.520 \text{ đồng}$ .

Tại Kết luận giám định số 1712/KL-KTHS, ngày 31/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Chữ viết (dạng in qua giấy than) trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1 đến A46) so với chữ viết của Ngô Văn Q trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) **là không phải của cùng một người viết ra.**

2. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Ch tại mục "Thủ trưởng đơn vị" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A17, A20 đến A38) so với chữ ký cùng dạng của Ngô Văn Q trên tài liệu mẫu (ký hiệu M4) **là do cùng một người ký ra.**

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Ch tại mục "Thủ trưởng đơn vị" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A18 đến A19) là chữ ký dạng in nên Phòng kỹ thuật hình sự không kết luận giám định.

+ Chữ ký mang tên Phạm Thị C tại mục "Thủ trưởng đơn vị" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A39 đến A42) so với chữ ký cùng dạng của Ngô Văn Q trên tài liệu mẫu (ký hiệu M5) **là do cùng một người ký ra.**

+ Chữ ký mang tên Phạm Thị C tại mục "Thủ trưởng đơn vị" trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A43 đến A46) so với chữ ký cùng dạng của Ngô Văn Q trên tài liệu mẫu (ký hiệu M5) **là không phải của cùng một người ký ra.**

Về con dấu, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hóa đơn liên 1 và liên 3 và các tài liệu liên quan của Công ty Q và Công ty H, Q khai sau khi ngừng việc mua bán hóa đơn, do sợ bị phát hiện nên năm 2014 Q đã tiêu hủy, vì vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 24/7/2019, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh xác định Công ty Q không có hoạt động kinh doanh gì trên địa bàn; ngày 24/10/2019, xác minh tại thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng xác định không có trụ sở, văn phòng, bến bãi, nhà xưởng của Công ty H, tại địa chỉ số 164 C, thị trấn N là bãi đất trống, không có người sinh sống.

Đối với Nguyễn Văn Ch là người đứng tên thành lập Công ty Q cho Q và cùng Lê Văn Quân đứng tên thành lập Công ty 668 Bắc Giang, Công ty Th Bắc Giang và Công ty T L cho Trịnh Văn Đông, sinh 1974, ở thôn Phú La, xã A, huyện D, thành phố Hải Phòng; Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1989 ở thôn Nam Lễ 3, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang là người đứng tên Kế toán Công ty 668 Bắc Giang và Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 ở Đ, H, D, Hải Phòng là người được Đông thuê làm kê khai, báo cáo thuế cho Công ty 668 Bắc Giang. Quá trình điều tra xác định hành vi của Ch, Q, Đ, Ng, L có dấu hiệu phạm tội mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên, hiện cả Ch, Q, Đ, Ng, L đều vắng mặt tại địa phương nên chưa có cơ sở để điều tra làm rõ. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến Chiến, Quân, Đông, Ngọc, Loan, Công ty 668 Bắc Giang, Công ty Th Bắc Giang và Công ty T L để tiếp tục điều tra nếu có căn cứ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Lan, quá trình điều tra Lan không thừa nhận đã mua bán hóa đơn GTGT của Công ty Q với Q. Ngoài lời khai của Q không còn tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với Lan.

Đối với Ngô Xuân T là người được Ngô Văn Q thuê làm kê khai, báo cáo thuế cho Công ty Q và Nguyễn Thị Li La là người Q khai nhờ đưa hóa đơn cho Tính để làm báo cáo kê khai thuế nhưng không biết Q thành lập Công ty để mua bán hóa đơn nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Hiện Tính và

La không có mặt tại địa phương, chính quyền địa phương không biết Tính, La đi đâu, làm gì.

Đối với Phạm Thị C, sinh năm 1967, trú tại Số R, tổ I, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng là người đứng tên Giám đốc Công ty H hiện vắng mặt tại địa phương; người phụ nữ tên Hằng là người bán Công ty H cho Q và người phụ nữ tên Ng là người Q thuê làm kê khai, báo cáo thuế cho Công ty H và mua hóa đơn đầu vào cho Công ty H từ Ng nhưng Q không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của Ng ở đâu; Phạm Văn Ph là người Q khai đã bán cho Q hóa đơn đầu vào của Công ty Q và Công ty H nhưng hiện Phi không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra không cơ sở để điều tra làm rõ. Đối với ông Nguyễn Ngọc Nh là người đã mua 84 hóa đơn của Công ty Q và Công ty H nhưng hiện ông Nhiệm bị ung thư đại tràng, liệt toàn thân, hai mắt bị mù không thể làm việc được nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Lê Văn T và Trần Thị H có hành vi mua trái phép hóa đơn GTGT nhưng số lượng hóa đơn ít nên chưa đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự và đã hết thời hiệu xử lý hành chính nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hành chính là có căn cứ. Đối với Công ty xây dựng số 1 Bắc Giang, quá trình điều tra xác định Công ty không biết việc Tạc mua hóa đơn GTGT của Công ty Q nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với các Công ty có hóa đơn của Công ty Q và Công ty H: Quá trình điều tra vụ án, người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền hoặc người có liên quan đều xác định có mua hàng hóa, dịch vụ của các đối tượng không quen biết giới thiệu là nhân viên Công ty Q và Công ty H và được xuất hóa đơn nên Cơ quan điều tra không có cơ sở kết luận các công ty này đã mua bán trái phép hóa đơn của Công ty Q và Công ty H.

Đối với anh Nguyễn Đức H là người đứng tên Giám đốc Công ty TNHH TM vận tải H và anh Nguyễn Huy Q là người đứng tên Giám đốc Công ty TNHH vận tải và xây dựng A đều không biết gì về Công ty mình đứng tên nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Công ty Q và Công ty H do Ngô Văn Q thành lập và mua lại để bán hóa đơn GTGT nên ngày 01/7/2020, Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Chi Cục thuế huyện T, tỉnh Bắc Ninh và Chi Cục thuế khu vực Đồ Sơn- K, thành phố Hải Phòng yêu cầu đóng mã số thuế và đề nghị Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh và Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng thu hồi giấy phép kinh doanh đối với 02 Công ty này.

Ngày 30/10/2019, Cơ quan điều tra tạm giữ của Ngô Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, có seri 8984 0488 5100 1819 072, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của Q.

Cáo trạng số: 41/CT-VKS-P1 ngày 28/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Ngô Văn Q về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều X Bộ luật Hình sự.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều X; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Ngô Văn Q 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2020, bị cáo Ngô Văn Q nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Ngô Văn Q vẫn giữ nguyên kháng cáo với lý do sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp đủ tiền thu lợi bất chính như bản án sơ thẩm đã tuyên. Đồng thời ngày 14/10/2020, bị cáo còn được Chủ tịch UBND xã Đê AR tặng giấy khen người tốt - việc tốt - tiêu biểu vì đã dũng cảm, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng và tài sản của mình để cứu giúp người bị nạn. Ngoài ra, bị cáo còn có công trong việc báo tin cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai biết để kiểm tra, xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm và được Cơ quan cảnh sát điều tra xác nhận có công văn đề nghị Tòa án xem xét, khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà phúc thẩm, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nội dung kháng cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Q. Sửa bản án sơ thẩm.

Giảm mức hình phạt tù cho bị cáo Ngô Văn Q, từ 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù xuống 01 (một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (một) năm tù.

Án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Q được làm trong thời hạn kháng cáo và đã nộp theo đúng quy định tại Điều 333 BLTTHS nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp, do vậy HĐXX phúc thẩm chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Q, HĐXX thấy:

[2.1]. Xét về tội danh: Trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013, bị cáo Ngô Văn Q, sinh năm 1974, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện D, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay tại Phòng X, D1, khu đô thị E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên đã thuê Nguyễn Văn Ch, sinh 1969 ở thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương đứng tên Giám đốc Công ty Q và mua lại Công ty H của một người phụ nữ tên Hằng để bán trái phép 1209 hóa đơn GTGT (không tính hóa đơn Công ty H xuất cho Công ty Q) của Công ty Q và Công ty H, thu lợi tổng số tiền là 281.821.210 đồng.

Như vậy, đã có đủ căn cứ để khẳng định: Bị cáo Ngô Văn Q phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều X Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm số 159/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước đối với các loại hóa đơn thu nộp ngân sách và các quy định trong lĩnh vực thuế đã làm suy giảm ngân sách Nhà nước. Do vậy cần có một mức án là hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện, để có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, vừa có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[2.3] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại các phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và luôn tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; cha đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, Huân chương kháng chiến hạng ba, bản thân bị cáo ra đầu thú trước cơ quan pháp luật và có tham gia trong quân đội. Ngày 14/10/2020, bị cáo còn được Chủ tịch UBND xã Đê AR tặng giấy khen người tốt - việc tốt – tiêu biểu vì đã dũng cảm, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng và tài sản của mình để cứu giúp người bị nạn; đồng thời trong thời gian này, bị cáo còn tích cực làm từ thiện đóng góp tài để hỗ trợ vùng thiên tai bão lũ tại Quảng trị nhằm khắc phục và giảm bớt khó khăn cho nhân dân. Ngoài ra, bị cáo còn có công trong việc báo tin cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai biết để kiểm tra, xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm và được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai có Công văn số Y81/VC ngày 20/4/2021 gửi TAND tỉnh tỉnh Bắc Giang để xem xét, khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền thu lợi bất chính là 281.821.210đ như bản án sơ thẩm đã tuyên tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Theo mục 7 phần I, về hình sự Văn bản số 212/TANDTC-PC ngày 13 tháng 9 năm 2019, “V/v thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử” thì bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được xem xét tại phiên tòa phúc thẩm nên HĐXX cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã đề nghị.

[3]. Trong thời gian thử thách của Bản án số 06/2018/HSPT ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử tuyên phạt bị cáo Q 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng về tội Mua bán trái phép hóa đơn. Ngày 28/10/2019 bị cáo đã ra đầu thú về tội Mua bán trái phép hóa đơn trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013. Theo Nghị quyết số 02/2018/ HĐTP ngày 15/5/2018, thì “Trường hợp người đang được hưởng án treo mà lại phát hiện trước khi được hưởng án treo họ đã thực hiện một tội phạm khác thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm đó và không tổng hợp hình phạt với bản án cho hưởng án treo”. Do vậy không tổng hợp hình phạt của Bản án số 06/2018/HSPT ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử tuyên phạt bị cáo Q 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng về tội Mua bán trái phép hóa đơn đối với bị cáo Q trong vụ án này.

[4]. Về khoản tiền thu lợi bất chính là 281.821.210đ như bản án sơ thẩm đã tuyên. Ngày 09/12/2020 và ngày 10/5/2021, bị cáo đã tự nguyện nộp đủ số tiền này nên HĐXX xác nhận cho bị cáo đã thực hiện xong.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Ngô Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn Q. Sửa bản án sơ thẩm, giảm mức hình phạt tù cho bị cáo.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều X; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn Q phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

[2]. Về tiền thu lợi bất chính: Xác nhận bị cáo Ngô Văn Q đã nộp đủ 281.821.210 đồng theo biên lai thu số 00867 ngày 09/12/2020 và biên lai thu số 00959 ngày 10/5/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm: Bị cáo Ngô Văn Q không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA thành phố Bắc Giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Nâu**